

## **5.2. GIẢI THƯỞNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TẠI TP.HCM**

### **5.2.1. Giải thưởng Sáng chế Thành phố**

Năm 2008, Giải thưởng Sáng chế Thành phố lần đầu tiên được triển khai theo Đề án tổ chức “Phong trào sáng tạo khoa học kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2007-2012” do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt tại Quyết định số 4077/QĐ-UBND, ngày 11/9/2007. Giải thưởng do Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh chủ trì, tổ chức hàng năm. Đến năm 2010, Giải thưởng Sáng chế Thành phố được chuyển sang chu kỳ hai năm một lần theo chỉ đạo của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ năm 2014, Giải thưởng Sáng chế Thành phố được tổ chức theo Quyết định số 5825/QĐ-UBND ngày 28/11/2014 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức các giải thưởng trong phong trào sáng tạo kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2014 - 2020.

Giải thưởng Sáng chế Thành phố nhằm thúc đẩy hoạt động sở hữu trí tuệ trong phong trào sáng tạo kỹ thuật; khuyến khích rộng rãi các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, phát triển công nghệ, nghiên cứu khoa học, tập trung vào các vấn đề KH&CN trọng điểm của Thành phố, tăng số lượng đơn đăng ký bảo hộ sáng chế của các chủ thể trên địa bàn thành phố; tập hợp và hỗ trợ các đề tài, giải pháp, sản phẩm sáng tạo kỹ thuật của Thành phố tham gia hưởng ứng các giải thưởng, hội thi, cuộc thi liên quan cấp quốc gia và quốc tế.

Các sáng chế dự giải được đánh giá theo ba điều kiện bảo hộ độc quyền của Luật Sở hữu trí tuệ (có khả năng áp dụng công nghiệp, có tính mới, có trình độ sáng tạo) và theo tiềm năng thương mại của sáng chế.

Các sáng chế đoạt Giải Nhất sẽ được tặng Bằng khen của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Mọi sáng chế dự giải sẽ được Thành phố hỗ trợ gửi tham dự Cuộc thi Sáng chế do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì.

Đối tượng tham gia Giải thưởng Sáng chế Thành phố là các chủ sở hữu và tác giả các bằng độc quyền sáng chế.

Giải thưởng Sáng chế Thành phố lần I (năm 2008) đã trao 5 giải thưởng, lần II (năm 2009) trao 5 giải thưởng và lần III (2010-2011) trao 9 giải thưởng. Qua 3 lần triển khai, đã có 19 bằng độc quyền sáng chế và giải pháp hữu ích được trao giải.

Giải thưởng Sáng chế Thành phố lần IV (2015-2016) đã đưa ra mục tiêu cụ thể là nhằm nâng lượng đơn đăng ký sáng chế của thành phố Hồ Chí Minh lên 400 đơn/năm trong giai đoạn 2016-2020, đồng thời nâng lượng bằng độc quyền được cấp cho các chủ thể tại thành phố Hồ Chí Minh từ 50 bằng trong năm 2015 lên 100 bằng vào thời điểm năm 2020. Kết quả có 10 sáng chế được trao Giải thưởng sáng chế Thành phố lần thứ IV.

***Kết quả Giải thưởng sáng chế Thành phố lần thứ IV (2015-2016)***

| TT | Sáng chế                                                                                                                                                                                                                                                     | Tác giả              | Chủ sở hữu                            | Giải         |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------|--------------|
| 01 | Bộ bàn ghế dùng để phòng ngừa và điều trị các bệnh cột sống.                                                                                                                                                                                                 | Phạm Thị Kim Loan    | Phạm Thị Kim Loan                     | Nhất         |
| 02 | Quy trình chiết chọn lọc phân đoạn alcaloit có hoạt tính sinh học điều trị bệnh ung thư từ lá cây trinh nữ hoàng cung và quy trình chiết chọn lọc phân đoạn chứa flavonoid có hoạt tính sinh học hỗ trợ điều trị bệnh ung thư từ lá cây trinh nữ hoàng cung. | Nguyễn Thị Ngọc Trâm | Nguyễn Thị Ngọc Trâm                  | Nhất         |
| 03 | Miệng cống thoát nước có lưới chắn rác cố định và miệng thu nước được chế tạo liền khối.                                                                                                                                                                     | Đồng Xuân Dũng       | Công ty Cổ phần Giải pháp Xây dựng HT | Nhì          |
| 04 | Cơ cấu lắp mặt tản gió dùng cho quạt điện dạng hộp.                                                                                                                                                                                                          | Trần Chí             | Trần Chí                              | Nhì          |
| 05 | Bộ đa phân luồng dữ liệu nhận trong vi mạch điều khiển bus mạng khu vực.                                                                                                                                                                                     | Nguyễn Hùng Quân     | Đại học Quốc gia TP.HCM               | Nhì          |
| 06 | Ghế đa năng.                                                                                                                                                                                                                                                 | Nguyễn Tuấn Anh      | Nguyễn Tuấn Anh                       | Ba           |
| 07 | Hệ thống cảnh báo việc đặt chân và xử lý tình trạng nhằm chân ga của người lái ô tô số tự động.                                                                                                                                                              | Ngô Đắc Thuần        | Ngô Đắc Thuần                         | Khuyến khích |

| TT | Sáng chế                            | Tác giả            | Chủ sở hữu                                                     | Giải         |
|----|-------------------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------|--------------|
| 08 | Gạch ống xi măng cốt liệu.          | Trần Trung Nghĩa   | Công ty Cổ phần Chế tạo máy và Sản xuất vật liệu mới Trung Hậu | Khuyến khích |
| 09 | Bẫy bắt chuột tự động.              | Nguyễn Đình Phương | Nguyễn Đình Phương                                             | Khuyến khích |
| 10 | Cơ cấu cất xe tiết kiệm không gian. | Nguyễn Phi Bằng    | Nguyễn Phi Bằng                                                | Khuyến khích |

*Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ TP. Hồ Chí Minh*

### 5.2.2 Giải thưởng Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Thành phố

Năm 1990, Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Thành phố hình thành từ hoạt động hưởng ứng Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Toàn quốc lần thứ nhất. Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Thành phố được tổ chức mỗi năm một lần do Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh) chủ trì.

Năm 2007, Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Thành phố được triển khai theo Đề án tổ chức Phong trào sáng tạo khoa học kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2007-2012 do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt tại Quyết định số 4077/QĐ-UBND, ngày 11/9/2007. Công tác chủ trì Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Thành phố được chuyển giao từ Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh sang Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2010, theo chỉ đạo của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Thành phố được chuyển sang chu kỳ hai năm một lần, luân phiên xen kẽ với Giải thưởng Sáng chế Thành phố.

Từ năm 2014, Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Thành phố được tổ chức theo Quyết định số 5825/QĐ-UBND ngày 28/11/2014 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức các giải thưởng trong phong trào sáng tạo kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2014 - 2020.

Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Thành phố nhằm khơi dậy phong trào thi đua lao động sáng tạo trong mọi tầng lớp; khuyến khích rộng rãi các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, phát triển công nghệ, nghiên cứu khoa học, tập trung vào các vấn đề khoa học và công nghệ trọng điểm của Thành phố, qua đó thúc đẩy việc áp dụng có hiệu quả các giải pháp kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố; tập hợp và hỗ trợ các đề tài, giải pháp, sản phẩm sáng tạo kỹ thuật của Thành phố tham gia hưởng ứng các giải thưởng, hội thi, cuộc thi liên quan cấp quốc gia và quốc tế.

Các đề tài, giải pháp dự thi được đánh giá theo ba tiêu chí: có tính mới và tính sáng tạo so với trình độ kỹ thuật ở Việt Nam, có khả năng áp dụng rộng rãi trong điều kiện Việt Nam, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao hơn so với giải pháp tương tự đã biết.

Các đề tài đoạt Giải Nhất sẽ được tặng Bằng khen của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Đề tài dự thi hợp lệ sẽ được Thành phố hỗ trợ gửi tham dự Hội thi Sáng tạo kỹ thuật toàn quốc hoặc Giải thưởng Khoa học và công nghệ Việt Nam (Giải thưởng VIFOTEC).

Đối tượng dự thi là cá nhân hoặc tổ chức: người Việt Nam ở trong nước và nước ngoài, người nước ngoài đang làm việc và sinh sống tại Việt Nam, không phân biệt lứa tuổi, dân tộc, nghề nghiệp có các đề tài nghiên cứu hoặc giải pháp công nghệ được tạo ra và áp dụng đều có quyền dự thi với tư cách cá nhân hoặc tập thể. Tập thể dự thi là các đơn vị, tổ chức của Việt Nam đã đầu tư nghiên cứu để tạo ra giải pháp kỹ thuật.

Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Thành phố lần thứ 23 (2013-2014) đã trao giải thưởng cho 36 đề tài, giải pháp thuộc 6 nhóm chuyên ngành với 5 Giải Nhì, 14 Giải Ba và 17 Giải Khuyến khích.

***Kết quả Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Thành phố  
Lần thứ 23 (2013 - 2014)***

| TT | Đề tài                                                                                                                                                                                                       | Tác giả                                                                                                                      | Đơn vị                                                              | Giải |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|------|
| 01 | Khoan mở “T” trực tiếp trên đường ống phân phối nước.                                                                                                                                                        | CN. Ngô Duy Thắng; ThS. Nguyễn Mạnh Hùng; KS. Đỗ Cao Đại; KS. Nguyễn Xuân Hoài.                                              | Trường Cao đẳng Xây dựng số 2                                       | Nhì  |
| 02 | Bảng hiện chữ nổi điện tử dành cho người khiếm thị.                                                                                                                                                          | SV. Nguyễn Nam Du<br>HS. Trần Thị Diệu Liên                                                                                  | Trường Đại học Bách khoa - ĐHQG TP.HCM<br>Trường THPT Lê Hồng Phong | Nhì  |
| 03 | Tạo và ứng dụng kháng thể đơn dòng kháng Protein p16 INK4A trong chẩn đoán sớm ung thư cổ tử cung.                                                                                                           | PGS.TS. Hồ Huỳnh Thùy Dương, ThS. Phạm Trần Đăng Thức, ThS. Trần Quốc Vũ, ThS. Bùi Hoàng Bảo Ngọc, ThS. Nguyễn Thị Mỹ Nương. | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQG TP.HCM                      | Nhì  |
| 04 | Xây dựng và đánh giá mô hình “Tham vấn phối hợp giữa nhân viên y tế và nhân viên xã hội” góp phần làm tăng hiệu quả của chương trình phòng ngừa lây truyền HIV/AIDS từ mẹ sang con tại bệnh viện Hùng Vương. | PGS.TS. Vũ Thị Nhung, BS. Nguyễn Thị Ánh Vân, Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.                                                        | Bệnh viện Hùng Vương                                                | Nhì  |
| 05 | Điều trị mất vững khớp gối do đứt dây chằng chéo trước và chằng chéo sau.                                                                                                                                    | TS.BS. Trương Trí Hữu, BS. CKII Dương Trường Quang, BS CKII. Nguyễn Quốc Trị.                                                | Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình TP. HCM                            | Nhì  |

| TT | Đề tài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Tác giả                                   | Đơn vị                                                               | Giải |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------|
| 06 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cải tiến trục cấp bông trên máy bông viên LINK-PN4.</li> <li>- Tai Baby phục hồi và cải tiến máy bông vệ sinh Tai ChinFu sang sản xuất sản phẩm bông vệ sinh Tai Baby.</li> <li>- Cải tiến hệ thống lọc bụi và thu hồi bông Bonino.</li> <li>- Phục hồi và cải tiến máy băng vệ sinh Đài Loan sang sản xuất sản phẩm gạc bông.</li> <li>- Cải tiến miếng định vị màng gạc trên máy gấp gạc.</li> </ul> | Ông Nguyễn Tấn Thành                      | Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết                                      | Ba   |
| 07 | Thiết bị sấy bơm nhiệt đa năng tự động các sản phẩm của ong mật.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | PGS.TS. Lê Anh Đức<br>TS.Vũ Kế Hoạch      | Trường Đại học Nông lâm TP.HCM<br>Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng | Ba   |
| 08 | Tiết kiệm năng lượng (chuyển đổi hệ đông lạnh từ hệ hở sang hệ kín).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Ông Nguyễn Hoài Bắc                       | Siêu thị Big C Gò Vấp                                                | Ba   |
| 09 | Xây dựng hệ thống tóm tắt video dựa vào các phương pháp phân tích ảnh hai chiều.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | CN. Nguyễn Duy Cường, CN. Nguyễn Thành Gô | Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên - ĐHQG TP.HCM                       | Ba   |

| TT | Đề tài                                                                                                                                                                         | Tác giả                                                                                        | Đơn vị                                                                             | Giải |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10 | Xây dựng chương trình tối ưu hóa gen sử dụng thuật giải di truyền kết hợp mạng neuro và thuật toán phân cụm.                                                                   | CN.Trần Tuấn Anh, CN.Trương Võ Hữu Thiên, CN. Huỳnh Tân, CN. Đặng Thị Hằng, CN. Phạm Duy Tùng. | Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên - ĐHQG TP.HCM                                     | Ba   |
| 11 | Chế tạo màng mỏng từ vật liệu ZnO đồng pha tạp làm điện cực dẫn điện trong suốt ứng dụng trong pin năng lượng mặt trời.                                                        | TS.Trần Cao Vinh, ThS. Nguyễn Hữu Trương, ThS. Hoàng Văn Dũng, CN. Phạm Thanh Tuấn Anh.        | Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên - ĐHQG TP.HCM                                     | Ba   |
| 12 | Nghiên cứu sử dụng phụ gia bột Grace BC100 kết hợp tro bay cho bê tông khô và sử dụng công nghệ rung bàn để sản xuất cống hộp tại Công ty TNHH Xây dựng công trình Hùng Vương. | Ông Trần Ngọc Thương                                                                           | Công ty TNHH Xây dựng công trình Hùng Vương                                        | Ba   |
| 13 | Thiết kế trò chơi học tập môn toán hỗ trợ cho học sinh lớp 3 có khó khăn về học toán.                                                                                          | CN. Ngô Thị Thanh Phương, CN. Nguyễn Thị Thanh Huyền, CN. Hứa Yến Nhi, CN. Vũ Thị Hà.          | Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm                                                  | Ba   |
| 14 | Đánh giá mối tương quan giữa enzyme giải độc Cytochrome P450 và tính kháng thuốc trừ sâu Imidacloprid trên rầy nâu <i>Nilaparvata Lugens</i> .                                 | TS. Lê Thị Diệu Trang, ThS. Nguyễn Hồng Phong, ThS. Đinh Vũ Thắng.                             | Viện Nghiên cứu Công nghệ sinh học và Môi trường - Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM. | Ba   |

| TT | Đề tài                                                                                                                                                  | Tác giả                                                                                                                                     | Đơn vị                                                                                                                         | Giải |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15 | Ứng dụng chỉ thị phân tử để nhận diện các gen kháng bệnh bạc lá, bệnh đạo ôn và chất lượng gạo nhằm phục vụ cho công tác chọn tạo giống lúa ở Việt Nam. | CN. Trần Thanh Tùng, CN. Nguyễn Duy Khánh<br>TSKH. Lê Thị Kính                                                                              | Trường Đại học Mở TP.HCM<br><br>Trung tâm Nghiên cứu Giống cây trồng miền Nam                                                  | Ba   |
| 16 | Sử dụng hệ thống nuôi cấy ngập chìm tạm thời tự tạo trong vi nhân giống mía KU00-1-61.                                                                  | KS. Phan Thị Hòa, KS. Ngô Thị Thắm, ThS. Tôn Bảo Linh                                                                                       | Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM                                                                                                 | Ba   |
| 17 | Nghiên cứu tạo dẫn xuất của <i>chitooligosaccharide</i> , khảo sát hoạt tính kháng oxy hóa và ức chế <i>matrix metalloproteinase</i> .                  | PGS.TS. Ngô Đại Nghiệp, ThS. Trần Quốc Tuấn, ThS. Trình Mai Duy Lưu, ThS. Trần Đăng Khoa.<br>TS. Đinh Minh Hiệp<br><br>ThS. Nguyễn Như Nhứt | Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên - ĐHQG TP.HCM<br><br>Ban Quản lý Khu Nông nghiệp công nghệ cao Công ty TNHH Thức ăn Gia Tường | Ba   |
| 18 | Nghiên cứu nhóm nấm <i>Cordyceps</i> ở Tây Nguyên và khảo sát tiềm năng ứng dụng của chúng trong y dược.                                                | TS. Trương Bình Nguyên, TS. Đinh Minh Hiệp, GS.TS. Lê Huyền Ái Thúy, ThS. Võ Thị Xuyên, ThS. Huỳnh Thư, ThS. Đặng Hoàng Quyên.              | Ban Quản lý Khu Nông nghiệp công nghệ cao                                                                                      | Ba   |
| 19 | Nghiên cứu tác dụng bảo vệ gan của cao chiết tiểu sài hồ thang trên mô hình tổn thương gan thực nghiệm.                                                 | ThS.BS. Nguyễn Lê Việt Hùng                                                                                                                 | Trường Đại học Y Dược TP.HCM                                                                                                   | Ba   |



| TT | Đề tài                                                                                                                                          | Tác giả                                                                                                                                                           | Đơn vị                                                             | Giải         |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|--------------|
| 20 | Mô hình phun xăng điện tử cho xe: ELIZABETH EFI, SCR, NOUVO SX, LIBERTY ie, PCX, HAYATE FI.                                                     | KS. Phùng Ngọc Thái Minh Duy                                                                                                                                      | Trường Trung cấp Nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương                | Khuyến khích |
| 21 | Kết sắt đa năng thông minh.                                                                                                                     | Ông Trần Ngọc Trí                                                                                                                                                 |                                                                    | Khuyến khích |
| 22 | Xây dựng chương trình phần mềm số hóa dữ liệu phục vụ công tác quản lý vận hành công trình đường hầm sông Sài Gòn.                              | KS.Đoàn Văn Tấn, KS.Nguyễn Văn Trung, KS. Nguyễn Kỳ Nam, KS. Nguyễn Trung Thành, ThS.Trần Kim Cương, KS. Huỳnh Trần Vũ, KS. Nguyễn Nhân Trung, CN. Phan Anh Dũng. | Trung tâm Quản lý đường hầm sông Sài Gòn                           | Khuyến khích |
| 23 | Thiết kế mạch điện tự động và chế tạo panel điều khiển thay thế màn hình tích hợp PLC cũ.                                                       | Ông Trần Hạnh Phúc                                                                                                                                                | Công ty cổ phần Bông Bạch Tuyết                                    | Khuyến khích |
| 24 | Nghiên cứu bộ chế tạo lọc nước bằng đất sét nung nhằm xử lý nước ngầm nhiễm phen sắt.                                                           | TS.Tô Thị Hiền, ThS. Nguyễn Lý Sỹ Phú, CN. Nguyễn Thị Thùy Trang.                                                                                                 | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQG TP.HCM                     | Khuyến khích |
| 25 | Nghiên cứu tổng hợp vật liệu graphite tróc nở từ nguồn graphite vảy của Việt Nam, ứng dụng làm vật liệu hấp phụ trong xử lý các sự cố tràn dầu. | TS. Bạch Long Giang<br><br>ThS. Nguyễn Tuấn Lợi; TS. Lê Xuân Tiến.                                                                                                | Viện Kỹ thuật Công nghệ cao NTT<br>Trường Đại học Nguyễn Tất Thành | Khuyến khích |

| TT | Đề tài                                                                                             | Tác giả                                                                                                                | Đơn vị                                         | Giải         |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------|
| 26 | Vật liệu tái chế chống sạt lở bờ sông.                                                             | SV.Trương Đình Dương, SV. Lê Huyền Thoại, SV. Huỳnh Hữu Minh Đăng, SV. Chu Minh Phẩm Cương                             | Trường Đại học Mở TP.HCM                       | Khuyến khích |
| 27 | Đồ chơi sách vải cho trẻ em mầm non.                                                               | Bà Nguyễn Thanh Thúy                                                                                                   | Trường Mầm non Sơn Ca Quận 5                   | Khuyến khích |
| 28 | Đưa âm nhạc dân tộc vào trường học.                                                                | Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích                                                                                                | Trường Tiểu học Đông Ba, Quận Phú Nhuận        | Khuyến khích |
| 29 | Bảng tuần hoàn hóa học dành cho người khiếm thị.                                                   | ThS. Phan Nguyễn Ái Nhi, SV. Trần Thanh Tâm, SV. Nguyễn Nhật Hưng, SV. Đặng Văn Hiền Ngoan, SV. Phạm Trương Hoàng Đức. | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQG TP.HCM | Khuyến khích |
| 30 | Chương trình VietHF 1.1 (Viet Historical Figures.).                                                | ThS. Trần Dương Quốc Hòa                                                                                               | Trường Đại học Đồng Nai                        | Khuyến khích |
| 31 | Bàn làm việc tương tác chủ động cho người khuyết tật tay.                                          | CN. Phạm Hoàng Phương                                                                                                  | Trường Đại học Kiến trúc TP.HCM                | Khuyến khích |
| 32 | Sự lưu hành của <i>Vibrio cholerae</i> O1, O139 trong nước sông và thực phẩm tươi sống tại TP.HCM. | CN. Đặng Thị Thảo Nguyên                                                                                               | Trường Đại học Mở TP.HCM                       | Khuyến khích |

| TT | Đề tài                                                                                                                                           | Tác giả                                                                                                                                   | Đơn vị                       | Giải         |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|--------------|
| 33 | Nghiên cứu sản xuất chế phẩm <i>probiotic</i> từ <i>Bacillus</i> dùng kiểm soát <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây bệnh trên cá tra nuôi.          | CN. Đỗ Phương Quỳnh, ThS. Nguyễn Văn Minh, CN. Nguyễn Hoàng Tuấn Duy, CN. Nguyễn Thị Thúy, CN. Nguyễn Thị Diệu Hiền, CN. Võ Ngọc Yến Nhi. | Trường Đại học Mở TP.HCM     | Khuyến khích |
| 34 | Thiết kế và tạo cây kê chân gắn trên bàn mổ dùng cho các phẫu thuật tiết niệu, tiêu hóa dưới và các phẫu thuật khác vùng tầng sinh môn ở trẻ em. | BS. Hà Văn Lượng                                                                                                                          | Bệnh viện Nhi Đồng 1         | Khuyến khích |
| 35 | Đo áp lực CPAP liên tục bằng van benveniste cải tiến và thước đo áp lực kế cột nước chữ U.                                                       | ThS.BS. Đặng Thanh Tuấn, CN. Nguyễn Thanh Huy, KTV. Nguyễn Thành Tôn, DS. Phạm Thị Thu Hà.                                                | Bệnh viện Nhi Đồng 1         | Khuyến khích |
| 36 | Nghiên cứu tổng hợp doxophyllin sử dụng trong điều trị hen suyễn và COPD.                                                                        | PGS.TS. Trần Thành Đạo, DS. Trương Văn Đạt, DS. Nguyễn Ngọc Sơn, DS. Đậu Quỳnh Hương, DS. Phan Minh Hoàng, DS. Nguyễn Đại Minh.           | Trường Đại học Y Dược TP.HCM | Khuyến khích |

*Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh*

### 5.2.3. Giải thưởng Tôn Đức Thắng

Giải thưởng Tôn Đức Thắng do Liên đoàn Lao động thành phố Hồ Chí

Minh phối hợp với Báo Sài Gòn Giải phóng sáng lập vào năm 2000. Đến năm 2004, Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định nâng cấp Giải thưởng Tôn Đức Thắng thành giải thưởng cấp thành phố, với Quy chế xét chọn Giải thưởng được ban hành kèm theo Quyết định số 148/QĐ-UB, ngày 07/06/2004. Lễ trao Giải thưởng được tổ chức vào dịp kỷ niệm ngày sinh của cố Chủ tịch Tôn Đức Thắng (ngày 20/8 hàng năm).

Giải thưởng Tôn Đức Thắng nhằm tôn vinh những kỹ sư (từ bậc 2 trở lên), công nhân (từ thợ bậc 2/5, 3/6, 4/7 trở lên) đang trực tiếp sản xuất hoặc trực tiếp điều hành sản xuất trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất - kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế trên địa bàn thành phố, có nhiều cống hiến xuất sắc trong phong trào lao động sáng tạo và đào tạo, bồi dưỡng lớp thợ trẻ giỏi.

Tiêu chuẩn xét chọn: tốt nghiệp phổ thông trung học trở lên; có từ 5 năm công tác trở lên; là Đảng viên hoặc đối tượng Đảng, hoặc Đoàn viên công đoàn xuất sắc; tích cực tham gia các hoạt động của doanh nghiệp, công đoàn; bản thân và gia đình gương mẫu chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, luật pháp của Nhà nước. Có thành tích phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, bản thân là tác giả hoặc đồng tác giả các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất tại doanh nghiệp có giá trị làm lợi, tiết kiệm trên 50 triệu đồng; có thành tích tiêu biểu trong việc bồi dưỡng, đào tạo, kèm cặp nhiều công nhân; bản thân đạt một trong các danh hiệu sau: chiến sĩ thi đua từ cấp cơ sở trở lên, đạt giải thưởng Hội thi Sáng tạo khoa học kỹ thuật Thành phố hoặc toàn quốc từ giải khuyến khích trở lên, Bằng và huy hiệu lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bàn tay vàng trong các hội thi thợ giỏi cấp trên cơ sở, cấp thành phố hoặc toàn quốc.

Cá nhân đạt Giải thưởng được Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tặng Bằng khen kèm theo tiền thưởng. Giải thưởng chỉ trao một lần cho một cá nhân.

Năm 2016, Giải thưởng Tôn Đức Thắng lần thứ 16 được trao tặng cho 8 cá nhân là những điển hình tiêu biểu về sự miệt mài trong lao động và học tập, nâng cao trình độ để tiếp cận, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật; cống hiến tâm huyết trong truyền thụ những kinh nghiệm quý báu cho thế hệ trẻ.

***Danh sách cá nhân đạt giải thưởng Tôn Đức Thắng  
lần thứ 16 năm 2016***

| TT | Họ và tên        | Đơn vị công tác                                                                                      |
|----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Huỳnh Tuấn Dũng  | Phó Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé.                                           |
| 2  | Võ Thanh Cường   | Trưởng phòng Đầu tư và xây dựng, Công ty Truyền tải Điện.                                            |
| 3  | Nguyễn Hoàng Chi | Công nhân Công ty Điện lực Sài Gòn.                                                                  |
| 4  | Trần Bảo Giang   | Phó Quản đốc Phân xưởng, Nhà máy Thuốc lá Bến Thành.                                                 |
| 5  | Trần Hữu Tài     | Kỹ thuật viên Ban Chế tạo khuôn mẫu, Phòng Nghiên cứu Phát triển, Công ty TNHH MTV Cao su Bến Thành. |
| 6  | Nguyễn Hồng Nhân | Nhân viên huấn luyện kỹ năng, Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam.                                |
| 7  | Nguyễn Thị Huệ   | Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển nông nghiệp công nghệ cao TP. HCM.                   |
| 8  | Hà Quốc Cường    | Phó Giám đốc Nhà máy ABS (Công ty Cổ phần TICO).                                                     |

*Nguồn: <http://sggp.org.vn>*

**5.2.4. Giải thưởng Cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu nhi Thành phố**

Kể từ năm 2004, Cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu nhi Thành phố được Thành Đoàn thành phố Hồ Chí Minh chủ trì tổ chức hàng năm nhằm hưởng ứng Cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng Toàn quốc.

Đến năm 2007, Cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu nhi Thành phố được triển khai theo Đề án tổ chức Phong trào sáng tạo Khoa học kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2007-2012 do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt tại Quyết định số 4077/QĐ-UBND, ngày 11/9/2007.

Từ năm 2014, Cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu nhi Thành phố được tổ chức căn cứ theo Quy chế Tổ chức các giải thưởng trong phong trào sáng tạo kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2014 – 2020 tại Quyết định số 5825/QĐ-UBND ngày 28/11/2014 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu nhi Thành phố nhằm khuyến khích rộng rãi các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, phát triển công nghệ, nghiên cứu khoa học; khơi dậy và phát huy khả năng tư duy, sáng tạo của thanh thiếu nhi thành phố, đồng thời giúp các em trau dồi kiến thức và rèn luyện kỹ năng sáng tạo; tập hợp và hỗ trợ các đề tài, giải pháp, sản phẩm sáng tạo kỹ thuật của Thành phố tham gia hưởng ứng các giải thưởng, hội thi, cuộc thi liên quan cấp quốc gia và quốc tế.

Các mô hình và sản phẩm kỹ thuật dự thi được đánh giá theo ba tiêu chí: có tính mới, tính sáng tạo và có khả năng áp dụng.

Các mô hình, sản phẩm đoạt Giải Nhất sẽ được tặng Bằng khen của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Mọi mô hình, sản phẩm dự thi hợp lệ sẽ được Thành phố hỗ trợ gửi tham dự Cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng Toàn quốc.

Đối tượng dự thi là tất cả thanh thiếu nhi trên địa bàn thành phố, có thể dự thi với tư cách cá nhân hoặc theo nhóm.

Căn cứ vào thể lệ Cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng Toàn quốc và chương trình hành động hàng năm, Thành Đoàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành thể lệ Cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu nhi Thành phố, tổ chức vận động tham dự và tiến hành tổng kết chung với Giải thưởng Sáng chế Thành phố hoặc Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật Thành phố của năm tương ứng.

Năm 2016, Cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu nhi Thành phố dành cho tất cả thanh thiếu nhi trên địa bàn thành phố, độ tuổi từ 6 – 18. Các thí sinh có thể dự thi với tư cách cá nhân hoặc theo nhóm (tối đa 5 người/nhóm) được chia làm 3 bảng: Bảng A (khối học sinh tiểu học), Bảng B (khối học sinh trung học cơ sở), Bảng C (khối học sinh trung học phổ thông). Sản phẩm dự thi là các mô hình, giải pháp kỹ thuật được khuyến khích hướng vào các lĩnh vực: dụng cụ học tập, dụng cụ lao động sản xuất, dụng cụ sinh hoạt hằng ngày, đồ chơi trẻ em và đồ dùng giải trí, bảo vệ môi trường và các vấn đề biến đổi khí hậu, cải thiện tình hình giao thông, cải thiện tình hình ngập

nước và bảo vệ nguồn nước... Kết quả có 16 giải đã được trao, trong đó có 1 Giải Nhất, 4 Giải Nhì, 2 Giải Ba và 9 Giải Khuyến khích.

***Kết quả Cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu nhi Thành phố  
lần thứ 11, năm 2016***

| TT            | Tên mô hình                                                   | Tác giả                                                                    | Trường                                                           | Giải         |
|---------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------|
| <b>BẢNG A</b> |                                                               |                                                                            |                                                                  |              |
| 1             | Thành phố năng lượng sạch.                                    | Phan Lê Ánh Dương                                                          | Trường Tiểu học Bán trú Thới Tam (Huyện Hóc Môn)                 | Nhất         |
| 2             | Máy phân loại rác.                                            | Bùi Kim Trọng                                                              | Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm (Quận 1)                       | Nhì          |
| 3             | Chậu trồng cây thông minh.                                    | Trần Thái Hòa                                                              | Trường Tiểu học Phạm Ngọc Thạch (Quận Phú Nhuận)                 | Ba           |
| 4             | Trò chơi - Giáo dục truyền thống thông qua những ngày lễ lớn. | Đỗ Nhân Nghĩa, Đào Thủy Yên, Phan Đăng Khôi, Bùi Hoàng Anh Kiệt.           | Trường Tiểu học Thanh Đa (Quận Bình Thạnh)                       | Khuyến khích |
| 5             | Vui học toán.                                                 | Trần Phạm Kim Thoa                                                         | Trường Tiểu học Lạc Long Quân (Quận 11)                          | Khuyến khích |
| 6             | Bình hoa "Thủy tinh".                                         | Nguyễn Thị Năm                                                             | Trường Tiểu học Phạm Ngọc Thạch (quận Phú Nhuận)                 | Khuyến khích |
| <b>BẢNG B</b> |                                                               |                                                                            |                                                                  |              |
| 1             | Public access resource centre.                                | Nguyễn Lâm Thảo Quyên (9C), Hoàng Thiên Anh (9B), Lê Nguyễn Việt Bảo (9C). | Trường Quốc tế Angle phone British curriculum (Huyện Bình Chánh) | Nhì          |
| 2             | Mô hình hồ bơi thông minh.                                    | Hồ Trần Việt Trung                                                         | Trường THCS Thạnh An (Huyện Cần Giờ)                             | Nhì          |

**Chương 5. Giải thưởng về khoa học và công nghệ**

| TT            | Tên mô hình                                                                    | Tác giả                                                                            | Trường                                      | Giải         |
|---------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------|
| 3             | Cuộc sống xanh (Sự chuyển hóa của sự vật này là cơ sở để sự vật khác tồn tại). | Lê Minh Hòa, Hồ Hải Thuận, Trần Trung Hiếu, Nguyễn Thái Châu.                      | Trường THCS Lê Văn Hưu (Huyện Nhà Bè)       | Khuyến khích |
| 4             | Air filtering system - Hệ thống lọc khí thông minh.                            | Phạm Thanh Chi, Thái Mẫn Nghi, Đặng Thục Linh, Trương Vạn Kim, Ứng Đặng Hồng Ngọc. | Trường THCS Nguyễn Du (Quận 1)              | Khuyến khích |
| 5             | Xe cần cẩu điều khiển bằng thủy lực.                                           | Trần Ngọc Thành Nguyễn, Nguyễn Hồng Quang.                                         | Trường THCS Thạnh Mỹ Lợi (Quận 2)           | Khuyến khích |
| <b>BẢNG C</b> |                                                                                |                                                                                    |                                             |              |
| 1             | Robot rửa.                                                                     | Phạm Khắc Phi Long, La Tuyết Trinh.                                                | Trường THPT Gia Định (Quận Bình Thạnh)      | Nhì          |
| 2             | Ứng dụng tính kháng khuẩn của lá trà không để làm xà bông rửa tay.             | Trần Thị Quyền Linh, Nguyễn Nhật Thành Vinh.                                       | Trường THPT Nhân Việt (Quận Tân Phú)        | Ba           |
| 3             | Ngôi nhà tiện ích.                                                             | Nguyễn Bảo Minh                                                                    | Trường THPT Nguyễn Hữu Cánh (quận Bình Tân) | Khuyến khích |
| 4             | Sản xuất bột/dịch chiết xông hơi.                                              | Phan Quang Long, Trần Thành Tâm.                                                   | Trường THPT Nhân Việt (Quận Tân Phú)        | Khuyến khích |
| 5             | G-bot, robot leo tường.                                                        | Bùi Mạnh Giới                                                                      | Trường THPT Gia Định (Quận Bình Thạnh)      | Khuyến khích |

**Nguồn:** Thành Đoàn thành phố Hồ Chí Minh



### **5.2.5. Giải thưởng Công nghệ thông tin - Truyền thông thành phố Hồ Chí Minh**

Năm 2008, Giải thưởng Công nghệ thông tin - Truyền thông thành phố Hồ Chí Minh lần đầu tiên được tổ chức theo Quyết định số 128/2007/QĐ-UBND, ngày 29/10/2007 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế xét tặng Giải thưởng Công nghệ thông tin - Truyền thông thành phố Hồ Chí Minh. Giải thưởng được tổ chức hàng năm, Sở Buru chính, Viễn thông (nay là Sở Thông tin và Truyền thông) được giao làm cơ quan thường trực.

Từ năm 2013, Giải thưởng được tổ chức theo Quyết định số 40/2013/QĐ-UBND ngày 26/09/2013 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế xét tặng Giải thưởng Công nghệ thông tin - Truyền thông thành phố Hồ Chí Minh.

Giải thưởng được trao tặng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có sản phẩm, dịch vụ và thành tích xuất sắc đóng góp cho sự phát triển công nghệ thông tin - truyền thông của Thành phố, theo các lĩnh vực sau:

- Doanh nghiệp có sản phẩm và giải pháp phần mềm tiêu biểu;
- Doanh nghiệp có sản phẩm phần cứng tiêu biểu;
- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng tiêu biểu;
- Đơn vị ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông tiêu biểu;
- Đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc đóng góp vào sự phát triển công nghệ thông tin - truyền thông thành phố;
- Sinh viên ngành công nghệ thông tin - truyền thông có thành tích nghiên cứu và học tập xuất sắc.

Đối tượng được tham gia Giải thưởng là các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, có đăng ký hay có giấy phép hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; các cá nhân là người Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc người có quốc tịch nước ngoài hiện đang sinh sống làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh.

Đơn vị và cá nhân có thể đăng ký tham gia để được xét trao Giải thưởng cho nhiều nhóm danh hiệu khác nhau, tuy nhiên mỗi nhóm danh hiệu chỉ được đăng ký xét và trao giải cho một sản phẩm (trừ nhóm danh hiệu: đơn vị ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông tiêu biểu; và đơn vị, cá

nhân có thành tích xuất sắc đóng góp vào sự phát triển công nghệ thông tin - truyền thông của Thành phố).

Các đơn vị và cá nhân đã được trao Giải thưởng vẫn có quyền được tham gia xét và trao Giải thưởng ở các năm tiếp theo nếu có thành tích đặc biệt xuất sắc, đáp ứng được điều kiện và tiêu chuẩn của Giải thưởng.

Năm 2015, Giải thưởng Công nghệ thông tin - Truyền thông thành phố Hồ Chí Minh lần VII có chủ đề “Xây dựng thành phố thông minh, lấy chính phủ điện tử làm trung tâm”. Mục tiêu của Giải thưởng nhằm hướng tới việc thúc đẩy thực hiện nghị quyết 36/NQ-TW của Bộ Chính trị về việc đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế, phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng dịch vụ công cung cấp cho người dân thành phố như y tế, giao thông, giáo dục... để phát triển kinh tế - xã hội thành phố bền vững, hiện đại, văn minh và phục vụ người dân được tốt hơn.

Giải thưởng lần VII đã được trao cho 8 sản phẩm, dịch vụ của 8 đơn vị; 3 đơn vị ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông; 2 tập thể, 2 cá nhân có thành tích đóng góp cho sự phát triển của ngành công nghệ thông tin - truyền thông thành phố và 5 sinh viên.

***Kết quả Giải thưởng Công nghệ thông tin - Truyền thông  
thành phố Hồ Chí Minh lần VII, năm 2015***

**Nhóm 1: Doanh nghiệp có sản phẩm và giải pháp phần mềm tiêu biểu**

| TT | Tên doanh nghiệp                                         | Sản phẩm và giải pháp phần mềm tiêu biểu                  |
|----|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1  | Công ty Cổ phần MISA                                     | Phần mềm quản lý trường học QLTH.VN                       |
| 2  | Công ty Cổ phần Đầu tư công nghệ Trí tuệ Trẻ             | Phần mềm Quick Decision.                                  |
| 3  | Công ty Cổ phần Giải pháp công nghệ Tâm Đạt              | Giải pháp ERP cho khách sạn và resort - Diamond Solution. |
| 4  | Công ty TNHH Phát triển và Chuyển giao phần mềm (DTSOFT) | Phần mềm quản lý tài sản.                                 |

**Nhóm 2: Doanh nghiệp có sản phẩm phần cứng tiêu biểu**

| TT | Tên doanh nghiệp                                 | Sản phẩm và giải pháp phần cứng tiêu biểu                                                                           |
|----|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT              | FPT ATM Guard.                                                                                                      |
| 2  | Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa                 | Hệ quản trị camera giám sát diện rộng công nghệ cảm là chạy tích hợp công nghệ lưu trữ điện toán đám mây (BeCloud). |
| 3  | Công ty Cổ phần Công nghệ kỹ thuật điện Toàn Cầu | Quản lý chiếu sáng công cộng thông minh bằng giải pháp, công nghệ, thiết bị Việt Nam.                               |
| 4  | Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo Thiết kế vi mạch | Thiết bị thu thập dữ liệu từ xa-DCM.                                                                                |

**Nhóm 3: Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng tiêu biểu**

| TT | Tên doanh nghiệp                                           | Sản phẩm và giải pháp phần cứng tiêu biểu                             |
|----|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 1  | Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank).             | Dịch vụ eBanking - Giao dịch trực tuyến.                              |
| 2  | Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Truyền thông HTV         | Dịch vụ HTV online.                                                   |
| 3  | Công ty TNHH MTV Phát triển Công viên phần mềm Quang Trung | Dịch vụ hạ tầng điện toán đám mây (Infrastructure as a Service-IaaS). |

**Nhóm 4: Đơn vị ứng dụng CNTT-TT tiêu biểu**

|   |                                            |
|---|--------------------------------------------|
| 1 | Tổng Công ty Điện lực TP.HCM               |
| 2 | Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist |
| 3 | Liên hiệp HTX Thương mại TP.HCM            |

**Nhóm 5: Tập thể, cá nhân có thành tích đóng góp cho sự phát triển của ngành CNTT Thành phố**

|   |                                                                   |
|---|-------------------------------------------------------------------|
|   | <b><i>Tập thể</i></b>                                             |
| 1 | Hội Tin học TP.HCM (HCA)                                          |
| 2 | Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ -Thành Đoàn TP.HCM |

|   |                       |
|---|-----------------------|
|   | <b>Cá nhân</b>        |
| 1 | Ông Dương Quang Thiện |
| 2 | Ông Đào Văn Lượng     |

**Nhóm 6: Sinh viên có thành tích nghiên cứu và học tập xuất sắc**

| TT | Tên sinh viên   | Trường                                    |
|----|-----------------|-------------------------------------------|
| 1  | Đỗ Mai Anh Tú   | Đại học Bách khoa TP.HCM                  |
| 2  | Phan Dương Tiễn | Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQG TP.HCM   |
| 3  | Phạm Việt Khôi  | Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQG TP.HCM   |
| 4  | Phạm Tấn Phong  | Đại học Công nghiệp TP.HCM                |
| 5  | Nguyễn Hồng Trí | Đại học Công nghệ thông tin - ĐHQG TP.HCM |

*Nguồn: <http://www.ict-hcm.gov.vn>*

**5.2.6. Giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học - Euréka**

Giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học - Euréka là giải thưởng dành cho sinh viên, tiền thân là Chương trình Euréka.

Chương trình Euréka tài trợ cho các nhà nghiên cứu trẻ được khởi xướng năm 1990, nằm trong Chương trình “Vì ngày mai phát triển” của Báo Tuổi Trẻ. Sau đó, Chương trình được chuyển giao về Trung tâm Sáng tạo Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ Trẻ (nay là Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ) trực thuộc Thành Đoàn thành phố Hồ Chí Minh, và thực hiện đến năm 1998. Kế thừa chương trình này, Thành Đoàn thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh đã ký kết hợp tác hình thành Giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học – Euréka, bắt đầu từ năm 1999 đến nay, định kỳ tổ chức hàng năm.

Giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học - Euréka nhằm tạo sân chơi học tập, sáng tạo và nghiên cứu khoa học, qua đó phát hiện, bồi dưỡng những ý tưởng sáng tạo của sinh viên; thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên các trường đại học, cao đẳng và học viện trên địa bàn thành phố; góp phần ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào sản xuất và cuộc sống.

Các đề tài được xét trao Giải thưởng theo các tiêu chí: có tính mới, tính sáng tạo, có khả năng ứng dụng cao và đảm bảo tính khoa học.

Đối tượng tham gia Giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học - Euréka là sinh viên có đề tài, công trình nghiên cứu khoa học, đang học tập tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và học viện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2015, đối tượng tham gia được mở rộng ra các tỉnh thành khu vực phía Nam (từ tỉnh Bình Thuận trở vào). Năm 2016, đối tượng tham gia được mở rộng ra toàn quốc. Mỗi cá nhân hoặc tập thể (mỗi tập thể không quá 5 sinh viên) có thể đăng ký tham gia một hoặc nhiều công trình.

Năm 2016, kết quả Giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học - Euréka lần thứ XVIII đã trao tổng cộng 85 giải, gồm 9 Giải Nhất, 12 Giải Nhì, 13 Giải Ba, 51 Giải Khuyến khích dành cho các tác giả/nhóm tác giả có đề tài xuất sắc nhất.

***Kết quả Giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học - Euréka  
lần thứ XVIII, năm 2016***

**GIẢI NHẤT**

| TT | Đề tài                                                                                               | Tác giả                                                         | Đơn vị                                                                             |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Phát hiện, nhận biết mặt người và ứng dụng video thông minh trên thiết bị di động.                   | Nguyễn Đình Luận, Lê Quang Định.                                | Khoa Công nghệ Thông tin - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQG TP.HCM          |
| 2  | Nghiên cứu xây dựng hệ thống CRM ứng dụng tại trường Đại học Kinh tế - Luật - ĐHQG TP.HCM.           | Nguyễn Phát Đạt, Tô Mị Diễm, Thái Xuân Duy, Trang Thị Út Quyên. | Khoa Hệ thống Thông tin - Trường Đại học Kinh tế - Luật - ĐHQG TP.HCM              |
| 3  | Phân lập và thiết lập chất chuẩn icariin và epimedin C từ dược liệu Dâm dương hoắc (Herba epimedii). | Nguyễn Văn Hoàng, Phạm Thái Trọng Nhân.                         | Khoa Dược - Trường Đại học Y Dược TP.HCM                                           |
| 4  | Tác động của tỷ lệ sở hữu nội bộ đến mức độ linh hoạt tài chính của các công ty Việt Nam.            | Tô Thị Phương Thảo, Phan Tuyết Trinh.                           | Khoa Tài chính - Trường Đại học Kinh tế TP.HCM                                     |
| 5  | Phân lập và sản xuất chế phẩm nấm Paecilomyces sp. phòng trừ một số loài sâu hại cây trồng.          | Đỗ Anh Duy, Phùng Lê Kim Yến, Nguyễn Thị Xuân Hương.            | Khoa Công nghệ Sinh học - Thực Phẩm - Môi trường - Trường Đại học Công nghệ TP.HCM |

**Chương 5. Giải thưởng về khoa học và công nghệ**

|   |                                                                                                                                                  |                                                                              |                                                                 |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 6 | Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Luật Hình sự Việt Nam dưới góc độ nghiên cứu so sánh với pháp luật hình sự Trung Quốc.                   | Huỳnh Thu Anh, Nguyễn Thị Thanh Bình, Hoàng Thị Dung, Nguyễn Trịnh Thanh Hà. | Khoa Thương mại - Trường Đại học Luật TP.HCM                    |
| 7 | Hiệu quả cải thiện vệ sinh răng miệng của mô hình tích hợp âm nhạc trong hướng dẫn chải răng cho học sinh tiểu học 9-10 tuổi tại TP.HCM.         | Trần Minh Cường, Lê Nguyễn Trà Mi, Nguyễn Thị Lệ Quyên.                      | Khoa Răng - Hàm - Mặt - Đại học Y Dược TP.HCM                   |
| 8 | Nghiên cứu sản xuất "giấy xanh" - giấy từ phế phẩm nông nghiệp.                                                                                  | Đặng Thị Ngọc Ánh                                                            | Trường Đại học Khoa học - ĐH Huế                                |
| 9 | Nhận thức của nông dân về biến đổi khí hậu và các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu (trường hợp xã Tân Xuân, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre). | Nguyễn Thị Diệu Thúy, Nguyễn Lê Phúc, Lê Bình Nguyên.                        | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Tôn Đức Thắng |

**GIẢI NHÌ**

| TT | Đề tài                                                                                                   | Tác giả                              | Đơn vị                                                                                                                 |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Hệ thống quản lý định danh theo vị trí và ngăn ngừa thất thoát dữ liệu.                                  | Trần Anh Duy, Đinh Lê Mạnh Duy.      | Khoa Công nghệ Thông tin, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQG TP.HCM                                               |
| 2  | Mối quan hệ giữa khả năng tự kiểm soát và tính gây hấn của học sinh trung học cơ sở.                     | Nguyễn Thị Hồng<br><br>Lý Ngọc Huyền | Ngành Sư phạm Ngữ văn - Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG HN<br>Ngành Sư phạm Hóa học - Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG HN |
| 3  | Sử dụng vật liệu khung cơ - KIM MIL-126 làm xúc tác dị thể cho phản ứng ghép đôi C-N của azole và ether. | Ngô Nguyễn Việt Anh                  | Khoa Kỹ thuật Hóa học - Trường Đại học Bách khoa - ĐHQG TP.HCM                                                         |

|    |                                                                                                                                                           |                                                                                   |                                                                                                                 |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4  | Hệ thống phát hiện làn đường thời gian thực.                                                                                                              | Lê Minh Hoàng,<br>Trương Thành Tâm, Nguyễn Dương Thái,<br>Nguyễn Hữu Ánh.         | Khoa Điện - Điện tử - Trường Đại học Bách khoa - ĐHQG TP.HCM                                                    |
| 5  | Sàng lọc vi khuẩn <i>Bacillus</i> có khả năng kiểm soát sinh học với <i>Vibrio Parahaemolyticus</i> NT7 phân lập từ mẫu tôm bệnh hoại tử gan tụy (AHPND). | Phan Quang Lợi,<br>Nguyễn Hoàng Quốc, Trần Thị Lý Thu Thảo,<br>Nguyễn Văn Có.     | Khoa Công nghệ Sinh học - Trường Đại học Mở TP.HCM                                                              |
| 6  | Tự do nghiệp đoàn ở Việt Nam khi gia nhập Hiệp định đối tác xuyên thái bình dương TPP.                                                                    | Lương Lê Minh<br><br>Nguyễn Thu Trang                                             | Chương trình Chất lượng cao - Trường Đại học Luật Hà Nội<br>Khoa Pháp Luật Kinh tế - Trường Đại học Luật Hà Nội |
| 7  | Nghiên cứu chế tạo thử nghiệm bê tông rỗng thoát nước, sử dụng cho vỉa hè và các công trình giao thông nội bộ.                                            | Trần Việt Long, Lê Hùng Quốc, Lữ Quang Huy, Đào Anh Phi.                          | Khoa Công trình Giao thông - Trường Đại học Giao thông Vận tải TP.HCM                                           |
| 8  | Nghiên cứu về kết cấu bao che của công trình xanh ở Vĩnh Long và các tỉnh lân cận.                                                                        | Lê Nguyễn Ngọc Nhiên, Trần Hữu Phước, Bùi Vũ Linh.                                | Khoa Kiến trúc - Trường Đại học Xây dựng Miền Tây                                                               |
| 9  | Nâng cấp chuỗi giá trị sen Đồng Tháp.                                                                                                                     | Ngô Ngọc Anh, Mai Thị Thu Huyền, Lê Thị Việt Thương, Phan Công Trung, Võ Thảo Vy. | Khoa Kinh tế đối ngoại - Trường Đại học Kinh tế - Luật - ĐHQG TP.HCM                                            |
| 10 | Đánh giá thích nghi đất đai cho nhóm cây trồng công nghiệp lâu năm tại tỉnh Kon Tum.                                                                      | Trần Thị Mỹ Duyên                                                                 | Khoa Tài nguyên Môi trường - Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM                                                     |

|    |                                                                                                                                                                                                       |                                                                                    |                                                                                     |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 11 | Điều chế và đánh giá khả năng giải phóng protein FGF - 2 (Fibroblast Growth Factor 2) từ Hydrogel Carboxymethyl Chitosan kết hợp Hydroxethyl Cellulose (CMCS - HEC) trong điều kiện <i>in vitro</i> . | Lạc Thủy Dung                                                                      | Khoa Sinh học - Công nghệ Sinh học - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQG TP.HCM |
| 12 | Nâng cao nhận thức của sinh viên về bình đẳng giới (Qua khảo sát một số trường đại học ở Hà Nội).                                                                                                     | Hoàng Trâm Anh, Lê Thị Uyên Linh, Nguyễn Như Đạt, Ngô Bình Dương, Bùi Thị Vân Anh. | Khoa Gia đình và Công tác xã hội - Trường Đại học Văn hóa Hà Nội                    |

**GIẢI BA**

| TT | Đề tài                                                                                                   | Tác giả                                                                          | Đơn vị                                                                    |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Internet of Bin (Thùng rác tự nén bằng năng lượng mặt trời).                                             | Nguyễn Phúc Thịnh, Đỗ Quang Huỳnh.                                               | Khoa Kỹ thuật máy tính - Trường Đại học Công nghệ Thông tin - ĐHQG TP.HCM |
| 2  | Thử nghiệm một số biện pháp nâng đỡ cảm xúc cho trẻ bị lạm dụng tình dục.                                | Nguyễn Lê Bảo Hoàng, Nguyễn Phan Nhật Lam, Giang Thiên Vũ.                       | Khoa Tâm lý học - Trường Đại học Sư phạm TP.HCM                           |
| 3  | Nghiên cứu bào chế phức hợp Phytosome Curcumin nhằm tăng độ tan và hoạt tính chống ung thư của Curcumin. | Phan Kế Sơn, Nguyễn Bích Hạnh.                                                   | Ngành Dược học - Khoa Y Dược - ĐHQG Hà Nội                                |
| 4  | Các mối quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và thế giới: Kết quả từ mô hình vector tự hồi quy toàn cầu.        | Huỳnh Thái Huy, Lê Thị Kim Loan.                                                 | Khoa Tài chính - Trường Đại học Kinh tế TP.HCM                            |
| 5  | Nghiên cứu và chế tạo máy vận chuyển nhôm.                                                               | Nguyễn Khắc Công, Hoàng Văn Cường, Đoàn Minh Đức, Lê Hồng Phong, Phạm Thanh Hải. | Khoa Cơ Điện tử - Trường Đại học Lạc Hồng                                 |



|    |                                                                                                                             |                                                              |                                                                                     |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 6  | Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ plasma phi nhiệt xử lý khí thải trên động cơ ô tô.                                         | Hồ Anh Toàn,<br>Nguyễn Văn Thi.                              | Khoa Cơ khí động lực - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM                       |
| 7  | Tạo chế phẩm diệt sâu khoang <i>Spodoptera litura</i> từ dịch nuôi cấy vi khuẩn <i>Serratia marcescens</i> SH1.             | Lê Thị Ngọc Dung, Vũ Hoàng Minh Ngọc,<br>Trương Hoài Nguyên. | Khoa Công nghệ Sinh học - Thực phẩm - Môi trường - Trường Đại học Công nghệ TP.HCM  |
| 8  | Quản lý tập thể quyền tác giả đối với tác phẩm âm nhạc - thực trạng và hướng hoàn thiện.                                    | Đinh Trịnh Thanh Tâm                                         | Khoa Tài chính Ngân hàng - Trường Đại học Kinh tế - Luật - ĐHQG TP.HCM              |
| 9  | Nghiên cứu tính khả thi của chương trình xe đạp công cộng và việc đưa xe đạp vào sử dụng ở khu vực trung tâm Quận 1 TP.HCM. | Võ Minh Phúc,<br>Nguyễn Trương Khánh Bằng, Đinh Gia Thư.     | Khoa Đô Thị học - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG TP.HCM          |
| 10 | Xây dựng quy trình HRM để xác định tần số kiểu gen và Alen của <i>SNP rs 8051542</i> trên bệnh nhân ung thư vú Việt Nam.    | Phạm Xuân Thụy                                               | Khoa Sinh học - Công nghệ Sinh học - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQG TP.HCM |
| 11 | Nghiên cứu khả năng loại bỏ độ đục độ màu và cod trên một số nguồn nước mặt bằng bột khô xương rồng bà.                     | Nguyễn Thị Tiên                                              | Khoa Công nghệ Sinh học - Thực phẩm - Môi trường - Trường Đại học Công nghệ TP.HCM  |
| 12 | Ứng dụng GIS trong việc lựa chọn địa điểm xây dựng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên huyện đảo Phú Quý.             | Phạm Nhật Nguyên                                             | Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường - Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM   |
| 13 | Motif trừng phạt trong truyện kể dân gian Đông Nam Á.                                                                       | Trần Khoa Nguyên                                             | Khoa Ngữ văn - Trường Đại học Sư phạm TP.HCM                                        |

**GIẢI KHUYẾN KHÍCH**

| <b>TT</b> | <b>Đề tài</b>                                                                                                                                                                                           | <b>Tác giả</b>                                                                               | <b>Đơn vị</b>                                                   |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1         | Đánh giá lợi ích kinh tế xã hội sau hai năm khai thác dự án đường cao tốc TP.HCM – Long Thành – Dầu Dây.                                                                                                | Võ Thị Tin, Trần Thị Quỳnh Như.                                                              | Khoa Kinh tế Vận tải - Trường Đại học Giao thông Vận tải TP.HCM |
| 2         | Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội tự nguyện đảm bảo an sinh xã hội tại Việt Nam.                                                                                                                      | Trương Hồng Huy, Đoàn Nhất Vũ.                                                               | Khoa Ngân hàng Bảo hiểm - Học viện Tài chính                    |
| 3         | Chính sách tiền tệ bất thường của Mỹ và sự truyền dẫn đến nền kinh tế mới nổi- Nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam.                                                                                     | Nguyễn Thủy Huệ Tiên                                                                         | Khoa Tài chính - Trường Đại học Kinh tế TP.HCM                  |
| 4         | Khảo sát mức độ ảnh hưởng của việc thực thi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) đến sự hài lòng của khách hàng.                                                                                   | Hàng Thị Huỳnh Châu, Nguyễn Thuý Ái, Trương Ngọc Thùy Vân.                                   | Khoa Đào tạo đặc biệt - Trường Đại học Mở TP.HCM                |
| 5         | Tác động của công tác quản trị quan hệ khách hàng (CRM- Customer relationship management) đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp du lịch trong kinh doanh: trường hợp nghiên cứu tại TP.HCM, Việt Nam. | Phạm Ngọc Kim Khánh, Nguyễn Thị Thanh Kiều, Hồ Nguyễn Anh Thư, Hà Thùy Vân, Lê Thị Hồng Vân. | Khoa Quản trị Kinh doanh - Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM    |
| 6         | Tác động của các nhân tố quản trị công ty đến mức độ công bố thông tin kế toán của các công ty niêm yết VN30 trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM.                                                      | Lê Hoàng Việt Hà                                                                             | Khoa Kế toán - Kiểm toán - Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM      |

|    |                                                                                                                                                             |                                                                                                   |                                                                             |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 7  | Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua đồ chơi dành cho trẻ em của khách hàng tại TP.HCM.                                                          | Nguyễn Thành Thuận, Lê Huỳnh Phú Tường, Nguyễn Phan Ngọc Linh, Nguyễn Thị Yến Vy, Phạm Thị Trang. | Khoa Marketing - Trường Đại học Tài chính - Marketing                       |
| 8  | Phân tích các tác nhân ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập cá nhân tại Bình Dương.                                                                 | Nguyễn Thị Thanh Mai, Võ Thị Linh Giang, Nguyễn Thị Ngọc Mai                                      | Khoa Kinh tế - Trường Đại học Thủ Dầu Một                                   |
| 9  | Đo lường giá trị thương hiệu quốc gia (CBE): cách tiếp cận dựa trên người tiêu dùng Việt Nam trong lĩnh vực dịch vụ nhà hàng thức ăn nhanh.                 | Hồ Thị Thanh Hiền, Lê Thị Trúc Kiều, Hoàng Thị Phương Thảo.                                       | Khoa Thương mại - Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng                  |
| 10 | Thiết bị phân tích trạng thái tâm lý dựa trên Galvanic Skin Response (GSP).                                                                                 | Trần Cao Lâm, Phạm Thanh Hiền.                                                                    | Khoa Kỹ thuật Máy tính - Trường Đại học Công nghệ Thông tin - ĐHQG TP.HCM   |
| 11 | Bubble Graphic Display.                                                                                                                                     | Tôn Bảo Khuyên, Trần Quang Chương.                                                                | Khoa Kỹ thuật Máy tính - Trường Đại học Công nghệ Thông tin - ĐHQG TP.HCM   |
| 12 | Xây dựng hệ thống lưu trữ dữ liệu GPS cho các ứng dụng về giao thông.                                                                                       | Nguyễn Đức Hải, Đoàn Khuê.                                                                        | Khoa Khoa học và Kỹ thuật Máy tính - Trường Đại học Bách Khoa - ĐHQG TP.HCM |
| 13 | Ứng dụng phần mềm CroWat 8.0 tính toán nhu cầu nước cho cây cà phê trên địa bàn huyện Đắk Hà tương ứng với dự báo biến đổi khí hậu Tây Nguyên đến năm 2030. | Hoàng Quỳnh Nỳ, Phan Nguyên Phong, Nguyễn Văn Hiệp, Hoàng Thị Mai Thi.                            | Khoa Kỹ thuật Nông nghiệp - Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum           |

**Chương 5. Giải thưởng về khoa học và công nghệ**

|    |                                                                                                                                                  |                                                                                              |                                                                       |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 14 | Ứng dụng mô hình Reggio Emilia vào tổ chức hoạt động với vật liệu thiên nhiên cho trẻ mẫu giáo tại trường mầm non.                               | Cao Thị Hiền Hòa, Phạm Thị Mỹ Dung, Lê Tú Quỳnh.                                             | Khoa Giáo dục Mầm non - Trường Đại học Sư phạm TP.HCM                 |
| 15 | Tác động của giáo dục đại học tới việc hình thành dự định khởi sự kinh doanh của sinh viên khối ngành kinh tế và kinh doanh trên địa bàn Hà Nội. | Tô Ngọc Phan, Vũ Phương Mai, Đoàn Thị Thùy Dung.                                             | Khoa Kinh tế và Kinh doanh quốc tế - Trường Đại học Ngoại thương      |
| 16 | Tổ chức cho trẻ 5 - 6 tuổi làm quen chữ viết trong hoạt động góc.                                                                                | Nguyễn Thị Hoài Linh, Luân Thị Bích Thùy, Nguyễn Thúy Quyên, Vũ Thị Trang.                   | Khoa Giáo dục Mầm non - Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương TP.HCMC    |
| 17 | Giáo dục khởi nghiệp kinh doanh tại trường đại học của một số quốc gia trên thế giới và bài học cho Việt Nam.                                    | Nguyễn Tấn Quốc, Ngô Nguyễn Huyền Trâm, Ngô Yến Ngọc, Đinh Hà Yến Nhi, Trần Hậu Minh Phương. | Khoa Kinh tế đối ngoại - Trường Đại học Ngoại thương – Cơ sở phía Nam |
| 18 | Nghiên cứu xây dựng mô hình QSAR của các chất ức chế bơm ngược ABCC2/MRP2.                                                                       | Ngô Ngọc Nhung, Nguyễn Linh Tuyền.                                                           | Khoa Dược - Trường Đại học Nguyễn Tất Thành                           |
| 19 | Nghiên cứu thành phần hóa học cây Cam thảo nam ( <i>Scoparia dulcis</i> L. <i>Scrophulariaceae</i> ).                                            | Nguyễn Thị Phương Bình, Trần Thị Thanh Diệu.                                                 | Khoa Dược - Đại học Y Dược TP.HCM                                     |
| 20 | Bước đầu nghiên cứu quy trình sản xuất phân tử tinh thể lỏng CUBOSOMES.                                                                          | Lưu Kiều Diễm Hậu, Đỗ Trần Hữu Thông, Nguyễn Thanh Tuấn.                                     | Bộ môn Công nghệ Hóa học - Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM             |

|    |                                                                                                                                              |                                                                          |                                                                                                  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 21 | Nghiên cứu sử dụng Glutaraldehyde trong khử trùng và khâu mạch màng ngoài tim lợn vô bào ứng dụng trở thành mảnh vá mạch máu.                | Phạm Thị Yến Như                                                         | Khoa Sinh học - Công nghệ Sinh học - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQG TP.HCM              |
| 22 | Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của cây đơn đất ( <i>Wedelia chinensis</i> ) Việt Nam.                                   | Nguyễn Thảo Hiền, Dương Thị Hoạt, Lê Thị Mỹ Linh, Trương Thị Tươi.       | Khoa Hóa học - Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên                                     |
| 23 | Phương pháp mới chế tạo vật liệu graphene và lai graphene phù hợp với điều kiện Việt Nam - Giải pháp an ninh năng lượng và xử lý môi trường. | Đặng Nhật Minh                                                           | Khoa Khoa học Vật liệu tiên tiến và Công nghệ Nano - Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội |
| 24 | Nghiên cứu, thiết kế và ứng dụng cánh tay robot scara trong kỹ thuật tạo mẫu in 3D kết hợp khắc lazer và phay CNC.                           | Nguyễn Tuấn, Nguyễn Thành Liêm, Nguyễn Khương Duy.                       | Khoa Cơ điện - Điện tử - Trường Đại học Công nghệ TP.HCM                                         |
| 25 | Hệ thống pha chế cocktail tự động.                                                                                                           | Bùi Tấn Tài, Huỳnh Ngọc Long, Đặng Văn Lập, Nguyễn Thọ Thảo, Lê Bá Đông. | Khoa Điện - Điện tử - Trường Đại học Duy Tân                                                     |
| 26 | Phân tích, đánh giá hàm lượng một vài kim loại trong tôm thẻ chân trắng nuôi ở xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.              | Võ Thị Kim Dung, Đoàn Thị Thảo Nhi, Trần Thị Kim Cúc.                    | Khoa Khoa học Tự nhiên - Trường Đại học Quảng Bình                                               |
| 27 | Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia hợp đồng tiêu thụ lúa giữa nông dân và doanh nghiệp tại huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.  | Phạm Nguyễn Đăng Khoa                                                    | Khoa Phát triển Nông thôn - Trường Đại học Cần Thơ                                               |

|    |                                                                                                                                                                         |                                                                          |                                                                              |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| 28 | Nghiên cứu sử dụng Gibberrellin (GA3) và bạc Nitrat ( $\text{AgNO}_3$ ) để nhân dòng và sản xuất hạt giống lai cây dưa chuột ( <i>Cucumis sativus</i> L.) đơn tính cái. | Nguyễn Ngọc Thạch                                                        | Bộ môn Công nghệ Sinh học - Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM                   |
| 29 | Nghiên cứu thu nhận bột màu chlorophyll từ rong nước lợ <i>Cheatomorpha</i> sp. đồng bằng Sông Cửu Long.                                                                | Nguyễn Minh Kiên, Trần Trung Kiên.                                       | Khoa Công nghệ thực phẩm - Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM       |
| 30 | Thực trạng và những vấn đề đặt ra dưới góc độ pháp lý xung quanh việc xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú.          | Đặng Quốc Anh, Lưu Thị Việt Trinh, Tống Thị Linh.                        | Khoa Hành chính Nhà nước - Trường Đại học Luật Hà Nội                        |
| 31 | Kinh doanh lưỡng diện và một số vấn đề liên quan đến pháp luật cạnh tranh.                                                                                              | Đào Minh Châu, Phùng Thị Kim Hà, Nguyễn Thị Hồng Hương, Lê Thị Hà Trang. | Khoa Luật - Trường Đại học Kinh tế - Luật - ĐHQG TP.HCM                      |
| 32 | Định tội danh đối với các tội xâm phạm tính mạng sức khỏe mà nạn nhân có lỗi.                                                                                           | Nguyễn Thúy Phượng, Nguyễn Thị Diệu Thúy.                                | Ngành Luật - Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội                                  |
| 33 | Vi phạm pháp luật trong hoạt động của các ngân hàng thương mại cổ phần trên địa bàn TP.HCM - Nhận diện và đề xuất.                                                      | Nguyễn Thị Thương Thuận                                                  | Khoa An ninh Nội bộ - Đại học An ninh Nhân dân                               |
| 34 | Nghiên cứu thành lập chương trình xử lý số liệu quan trắc và dự báo độ lún công trình.                                                                                  | Nguyễn Phi Thắng, Vũ Thị Hào, Nguyễn Văn Khoa, Trần Anh Văn.             | Khoa Trắc địa - Bản đồ - Quản lý đất đai - Trường Đại học Mỏ Địa chất Hà Nội |

|    |                                                                                                                                                                                          |                                                                                                        |                                                                                                 |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 35 | Nghiên cứu, khảo sát, đánh giá, cải tạo nhà liên kế theo xu hướng kiến trúc xanh ở tỉnh Vĩnh Long và các tỉnh lân cận.                                                                   | Ngô Triều Vỹ,<br>Nguyễn Thị<br>Phương Uyên,<br>Kiều Minh.                                              | Khoa Kiến trúc - Trường<br>Đại học Xây dựng Miền<br>Tây                                         |
| 36 | Quy hoạch làng nổi cá<br>bè trên sông Hậu, tỉnh An<br>Giang.                                                                                                                             | Đặng Đình<br>Nguyên                                                                                    | Khoa Kiến trúc - Viện<br>Đại học Mở Hà Nội                                                      |
| 37 | Vật liệu tái sử dụng trang<br>trí nội thất.                                                                                                                                              | Nguyễn Thế Hiền,<br>Nguyễn Nhất Bảo.                                                                   | Khoa Kiến trúc Mỹ<br>thuật - Trường Đại học<br>Công nghệ TP.HCM                                 |
| 38 | Nghiên cứu biểu hiện và<br>thu nhận pediocin tái tổ<br>hợp trong <i>Escherichia coli</i><br>ứng dụng trong bảo quản<br>thực phẩm.                                                        | Nguyễn Thị Cẩm<br>Nhung                                                                                | Khoa Sinh học - Công<br>nghệ Sinh học -<br>Trường Đại học Khoa<br>học Tự nhiên - ĐHQG<br>TP.HCM |
| 39 | Bước đầu nghiên cứu<br>nhằm xây dựng dấu chứng<br>sinh học cho ung thư vòm<br>họng ở người Việt Nam<br>dựa trên sự hiện diện và<br>biểu hiện một số gen của<br>epstein barr virus (EBV). | Ngô Đông Kha,<br>Hồ Tá Giáp,<br>Huỳnh Thị Mộng<br>Tuyền, Nguyễn<br>Hải Châu, Nguyễn<br>Thị Thùy Trang. | Khoa Công nghệ Sinh<br>học - Trường Đại học<br>Mở TP.HCM                                        |
| 40 | Bước đầu nghiên cứu<br>phân tích chức năng gen<br>liên quan tới sinh tổng hợp<br>Ascorbate và Glutathione<br>trên Arabidopsis trong đáp<br>ứng với stress phi sinh học<br>ở thực vật.    | Nguyễn Thường                                                                                          | Khoa Sinh học - Công<br>nghệ Sinh học -<br>Trường Đại học Khoa<br>học Tự nhiên - ĐHQG<br>TP.HCM |
| 41 | Đặc điểm thạch học, chất<br>lượng và khả năng sử<br>dụng làm puzolan của<br>bazan khu vực núi sập,<br>Đà Kai, Đức Linh, Bình<br>Thuận.                                                   | Huỳnh Thị Tuyết<br>Nhung                                                                               | Khoa Địa chất -<br>Trường Đại học Khoa<br>học Tự nhiên - ĐHQG<br>TP.HCM                         |

**Chương 5. Giải thưởng về khoa học và công nghệ**

|    |                                                                                                                                                                      |                                                                                      |                                                                                 |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| 42 | Nghiên cứu xử lý thuốc diệt cỏ Glyphosate trong nước bằng phương pháp fenton điện hóa.                                                                               | Lê Việt Thương                                                                       | Khoa Hóa học - Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội 2                                  |
| 43 | Mô hình kiểm soát bền vững các nguồn thải từ quá trình chăn nuôi gia súc.                                                                                            | Châu Quốc Thái, Trần Bá Khánh, Trần Minh Lộc, Trần Ngọc Thu.                         | Khoa Môi trường - Trường Đại học Bách Khoa - Đại học Đà Nẵng                    |
| 44 | Công tác xã hội với thanh thiếu niên lạm dụng Facebook (Nghiên cứu tại trường Đại học Công Đoàn).                                                                    | Nguyễn Thị Trinh, Lèo Thị Kính, Lưu Thị Nga, Thân Thị Hương.                         | Khoa Công tác xã hội - Trường Đại học Công Đoàn (Hà Nội)                        |
| 45 | Đánh giá tác động của dự án xây dựng đường vành đai Tân Sơn Nhất - Bình Lợi đến đời sống dân cư đô thị (Khảo sát đoạn từ nút giao Nguyễn Thái Sơn đến cầu Bình Lợi). | Lê Khánh Hưng, Lương Thành Đạt, Nguyễn Trọng Hiếu, Lê Trí Nhân, Nguyễn Thị Bích Vân. | Khoa Đô thị học - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG TP.HCM      |
| 46 | Thực trạng và giải pháp phát triển thực phẩm Halal tại TP.HCM trong điều kiện hội nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC).                                                | Vòng Và Kiu                                                                          | Khoa Xã hội học - Công tác xã hội - Đông Nam Á học - Trường Đại học Mở TP.HCM   |
| 47 | Hoa văn vải Songket Palembang, Indonesia (Có so sánh với hoa văn vải Chăm, Việt Nam).                                                                                | Nguyễn Ngọc Trinh                                                                    | Khoa Đông Phương học - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG TP.HCM |
| 48 | Các nhân tố ảnh hưởng đến việc kết hôn của nữ công nhân nhập cư.                                                                                                     | Đoàn Mỹ Duyên, Nguyễn Thị Hạnh, Huỳnh Thị Diễm.                                      | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Văn Hiến                      |
| 49 | Hoạt động ngoại giao nhân dân trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam hiện nay.                                                                      | Đàm Thị Huệ, Vũ Thị Mai, Mai Kim Ngân, Phan Thùy Linh.                               | Khoa Quan hệ quốc tế - Học viện Báo chí và Tuyên truyền Hà Nội                  |



|    |                                                                                                                                                                                             |                                    |                                                                           |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 50 | Nghiên cứu ứng dụng Lean Six Sigma cho dây chuyền sản xuất thuốc viên nan mềm.                                                                                                              | Nguyễn Phan Thế Huân               | Khoa Dược -Trường Đại học Y Dược TP.HCM                                   |
| 51 | Xây dựng quy trình ly trích flavonoid từ nấm Tràm ( <i>Tylopus felleus</i> ) và khảo sát hoạt tính ức chế enzyme $\alpha$ -glucosidase và khả năng kháng khuẩn, kháng nấm của cao nấm Tràm. | Lê Nguyễn Nhật Bình, Lê Hồng Phẩm. | Viện Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ Sinh học - Trường Đại học Cần Thơ |

**Nguồn:** Thành Đoàn thành phố Hồ Chí Minh